

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1698/2023/DSST

Ngày: 13-9-2023

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang
2. Ông Hồ Văn Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng Thanh, Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2022/TLST-DS ngày 14/7/2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2774/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9565/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ứng Thanh H, sinh năm 1968; Địa chỉ: G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ứng Văn L, sinh năm 1964; Địa chỉ: G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ứng Văn H1, sinh năm 1962; Tạm trú: 85 A đường P, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bà Ứng Thúy P, sinh năm 1966; Địa chỉ: G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

3. Ông Ứng Thanh H2, sinh năm 1970; Địa chỉ: B M, S, S, CA 95112 USA. Người đại diện hợp pháp của ông H2: Ông Ứng Thanh H, sinh năm 1968. (Có mặt)

4. Bà Ứng Thị Y, sinh năm 1947; Địa chỉ: A Lô R, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

5. Ông Ứng Hồ Ngọc H3, sinh năm 1979; (Có đơn xin vắng mặt)

6. Bà Ứng Hồ Thu H4, sinh năm 1979; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: D T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Từ N, sinh năm 1966; Ứng Bảo Gia K, sinh năm 1991; (Vắng mặt)

8. Ứng Hà Bảo K1, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1987; Ứng Phúc L2, sinh năm 2016. (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ứng Thanh H trình bày:

Nguồn gốc nhà đất số G M, P, Quận A (số cũ 71 P, P.5, Quận A) là do C, Mẹ ông H là ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B cùng tạo lập. Nhà đất nêu trên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nhưng có xác nhận của UBND phường Đ và Công an phường Đ về thường trú. Theo bản án ly hôn số 35/LH/ ngày 24/11 /1981 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử cho bà B và ông T ly hôn, xét xử giao phần nhà, đất hiện tại cho ông T, bà B là cha mẹ của và ông H, T mỗi người được sử dụng ½ căn nhà, sau khi trừ đi diện tích mà bà B đã cắt bán cho bà Nguyễn Thị C1 phần mặt tiền.

Cha, Mẹ ông H có 5 người con gồm: ông Ứng Văn H1; ông Ứng Văn L; bà Ứng Thúy P; ông Ứng Thanh H, ông Ứng Thanh H2 hiện nay định cư ở Mỹ.

Năm 2004, bà Nguyễn Thị B mất (Không để lại di chúc).

Năm 2010, ông Ứng Văn T mất (Không để lại di chúc).

Ông Ứng Văn T, có 02 người con riêng, ngoài giá thú khi chung sống cùng mẹ ruột ông, gồm:

1. Bà Ứng Thị Y

2. Ông Ứng Văn H5 (sinh năm 1953, chết 2005), có 02 người con là Ứng Hồ Ngọc H3 và Ứng Hồ Thu H4 (thừa kế thế vị).

Sau khi C, Mẹ mất, ông Ứng Văn L người được ông T lúc còn sống có ủy quyền để thay mặt Ông T xin hợp thức hóa căn nhà mà ông T đứng tên (bằng khoản chế độ cũ cấp). Nhưng ông L đã viện nhiều lý do để không chịu hợp thức hóa căn nhà, cũng như không chịu phân chia thừa kế là căn nhà G M, Phường Đ, Quận A cho các thừa kế khác. Lấy lý do được ông T ủy quyền quản lý nhà, ngăn cản không cho ông Ứng Văn H1 vào ở. Sau đó ông L xây một nửa căn nhà bán kiên cố và mở một quán cơm kinh doanh thu lợi ích cho riêng mình. Không chia lợi nhuận cho các thừa kế khác, mặc dù không có sự đồng thuận của anh, em trong nhà.

Vì kinh doanh ăn uống nên căn nhà đã xuống cấp trầm trọng. Ông H phải bỏ tiền riêng ra để khắc phục. Gia đình ông H hiện đang ở cùng trong nhà thì vợ, chồng ông L gây khó khăn cho gia đình ông H. Vì vậy ông H làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Công nhận nhà và đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là di sản thừa kế của ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015. Phân chia di sản thừa kế là nhà đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Ứng Văn T và Bà Nguyễn Thị B.

Căn nhà G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 3 hộ gia đình đang sinh sống, gồm có: gia đình của ông H (03 người) chưa có nhà riêng, gia đình ông Ứng Văn L (03 người) hiện đã có nhà riêng, bà Ứng Thúy P không có chồng, con và đang ở với cháu trai là con của ông Ứng Thanh H2 cũng chưa có nhà riêng. Theo Luật Thi hành án Dân sự tại khoản 3 Điều 74 có quy định khi bán tài sản chung thì chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua tài sản. Ông H đã thương lượng với tất cả người thừa kế và mọi người đều thống nhất đồng ý bán phần thừa kế của mình cho ông H. Chỉ riêng ông L là không chịu thương lượng.

Nay ông H yêu cầu xem xét cho ông H được mua lại căn nhà G M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Đây cũng là nguyện vọng của tất cả mọi người trong gia đình.

Bị đơn: ông Ứng Văn L và các vợ con của ông không đến tòa tham gia tố tụng và từ chối tham gia tố tụng từ khi Tòa án thông báo thụ lý cho đến khi xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ứng Văn H1 trình bày:

Ông là con trai lớn của Ông Ứng Văn T và Bà Nguyễn Thị B. Căn nhà G M, Phường Đ, Quận A (Số C P) là tài sản chung của ông T và Bà B cùng tạo lập (chưa đăng ký hợp thức hóa). Theo bản án xử lý hôn giữa Cha mẹ ông tại Tòa án Nhân dân Quận 1 vào năm 1981, đã phân chia cho cha mẹ ông mỗi người 1 phòng của căn nhà, tức chia cho mỗi người $\frac{1}{2}$ phần nhà còn lại sau khi trừ đi diện tích đã bán cho bà Nguyễn Thị C1, bà C1 đã được phép xây dựng tường gạch, vách riêng, làm mới sàn gác gỗ, lợp mới mái tôn tại địa chỉ số G (phía trước) đường M, phường Đ, Quận A với diện tích xây coi nói là 6,95m x 4,25m = 29,54m².

Ông Ứng Văn T và Bà Nguyễn Thị B có 5 người con chung: Ứng Văn H1, Ứng Văn L, Ứng Thúy P, Ứng Thanh H, Ứng Thanh H2.

Ông Ứng Văn T có 02 người con riêng: Ứng Thị Y, Ứng Văn H5 (chết 2005, có 02 người con là Ứng Hồ Ngọc H3 và Ứng Hồ Thu H4 – thừa kế thế vị).

Năm 2004, bà B mất (có khai tử, không có di chúc). Năm 2010, ông T mất (có khai tử, không có di chúc), Sau khi Cha Mẹ mất, ông H1 có yêu cầu dọn về ở chung, nhưng ông L không đồng ý. Ông L lấy lý do quản lý nhà đã chiếm dụng một phần căn nhà, và sửa chữa chống dột đã xây dựng nhà bán kiên cố nửa căn nhà mà không có sự đồng thuận của các thừa kế cũng như chiếm dụng căn nhà để mở một quán ăn để thu lợi riêng cho mình. Không chịu chia lợi nhuận cho các đồng thừa kế khác. Căn nhà xuống cấp trầm trọng. Ông L không chịu bỏ tiền tu sửa. Đề nghị Tòa án xét xử:

- Công nhận nhà và đất số 71 Mai Thị L3. Phường Đ. Quận A. Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của Ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015. Phân chia di sản thừa kế là nhà đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Ưng Văn T và Bà Nguyễn Thị B.

Ông H1 đồng ý thương lượng và bán phần thừa kế cho ông Ưng Thanh H, đồng thời chấp nhận cho ông Ưng Thanh H được thanh toán tiền dân và cũng không yêu cầu thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ưng Thanh H2 có ông Ưng Thanh H là đại diện ủy quyền, bà Ưng Thúy P, bà Ưng Thị Y, bà Ưng Hồ Ngọc H3 và Ưng Hồ Thu H4 thống nhất trình bày:

Căn nhà G M, Phường Đ, Quận A (Số C P) là tài sản chung của ông Ưng Văn T và bà Nguyễn Thị B cùng tạo lập (chưa được cấp chủ quyền). Ông Ưng Văn T và bà Nguyễn Thị B có 5 người con chung: Ưng Văn H1, Ưng Văn L, Ưng Thúy P, Ưng Thanh H, Ưng Thanh H2. Ông Ưng Văn T có 02 người con riêng: Ưng Thị Y, Ưng Văn H5 (chết 2005, có 02 người con là Ưng Hồ Ngọc H3 và Ưng Hồ Thu H4, thừa kế thế vị).

Đề nghị Tòa án xét xử:

- Công nhận nhà và đất số 71 Mai Thị L3. Phường Đ. Quận A. Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Ưng Văn T và bà Nguyễn Thị B.

- Phân chia di sản thừa kế là nhà đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Ưng Văn T và Bà Nguyễn Thị B.

- Đồng ý thương lượng và bán phần thừa kế cho ông Ưng Thanh H và đồng thời chấp nhận cho ông Ưng Thanh H được thanh toán 02 lần và cũng không yêu cầu thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Hồng L1, Ưng P, là vợ và con của ông Ưng Thanh H, Ưng Hà Bảo K1 là con của ông Ưng Thanh H2 đều có đơn xin vắng mặt tại Tòa. Đồng ý yêu cầu của ông H và không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Ưng Văn L cùng với vợ và con ông L là bà Từ N; ông Ưng Bảo Gia K2 đến tòa tham gia tố tụng. Cũng như ông L, các đương sự nhận giấy triệu tập nhưng từ chối tham gia tố tụng tại tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự vắng mặt nêu trên theo đúng thủ tục luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án tranh chấp về đòi tài sản là đúng thẩm quyền, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế. Xử chia cho các con của ông T là 7 người mỗi người 1/14 căn nhà số, và các con bà B gồm 5 người mỗi người 1/10 căn nhà. Diện tích nhà hiện hữu theo báo cáo của cơ quan chức năng.

Về án phí các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Yêu cầu của Nguyên đơn tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do có đương sự là người đang sinh sống ở nước ngoài theo Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ưng Thanh H2 đã có giấy ủy quyền cho ông H đại diện thay mặt tham gia tố tụng. Sự đại diện theo ủy quyền là phù hợp với quy định Điều 134, 138 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc ủy quyền là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách đại diện đại diện tham gia tố tụng của ông H.

Xét ông Ưng Văn L, bà Từ N, ông Ưng Bảo Gia K2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tòa để giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không đến Tòa. Ông L và vợ con sau khi ký các văn bản thông báo hòa giải, thì về sau, không đồng ý nhận văn bản do Tòa giao cho gia đình ông. Thậm chí, trong buổi xem xét tại chỗ, mặc dù ông L đồng ý cho Thẩm phán và đơn vị đo vẽ vào xác định diện tích căn nhà, và mặc dù thẩm phán đã giải thích cho ông về việc nếu ông có di chúc thì cứ xuất trình, tòa án sẽ bảo vệ quyền lợi cho ông, nhưng ông L cho biết, Tòa cứ làm phận sự của mình. Bản thân ông và gia đình ông sẽ không tham gia vụ án này, cũng như không đưa ra chứng cứ gì của mình, liên quan đến việc được thừa hưởng căn nhà này.

Sau khi đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết, hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tổng đạt cho các đương sự đúng quy định. Việc vắng mặt của các đương sự không gây ảnh hưởng gì đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử coi như các đương sự từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

- Về thời hiệu chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn được tính từ năm 2004 là thời điểm bà B chết, và năm 2010 ông T chết, tính đến nay theo quy định Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 là còn trong thời hiệu chia thừa kế.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về di sản thừa kế: Theo bản án ly hôn số 35/LH/ ngày 24/11/1981, Tòa án nhân dân Quận 1, T phân chia tài sản cho ông T và bà B khi ly hôn, thì bà Nguyễn Thị B được sở hữu 1 phòng, ông Ưng Văn T được sở hữu 1 phòng của căn nhà số G đường P (nay là đường M, phường Đ, Quận A). Ông T, bà B đã ly hôn từ năm 1981. Cho đến nay không có ai là vợ hoặc chồng của ông T, hay bà B tranh chấp tài sản vợ chồng với ông, bà. Bản án đã có hiệu lực năm 1981.

Theo công văn số: 3295 /UBND-TNMT V/v xác minh tình trạng nhà, đất, vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản liên quan đến căn nhà số G đường M, phường Đ, Quận A ngày 24 tháng 11 năm 2022 thì: Căn nhà số G đường M, phường Đ, Quận A thuộc Bảng khoán số 78 S - Đ có diện tích 100m² do bà Nguyễn Thị T1 góa phụ không tái giá của ông Ưng Văn T2 là chủ sở hữu để

quyền thừa kế và di chúc cho ông Ứng Văn T theo Tờ lược giải số IV ngày 17/02/1970 của Ty Điền địa S.

Bản kê khai nhà cửa năm 1977 do bà Nguyễn Thị B kê khai nhà số G đường P (nay là đường M) có diện tích đất là 100m², chủ sở hữu là ông Ứng Văn T.

Ngày 12/12/1979, ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B lập giấy mua bán nhà bán 01 phần nhà số G đường P cho bà Nguyễn Thị C1 với diện tích 4m x 7m = 28m². Ngày 03/8/1998, Ủy ban nhân dân Quận A cấp giấy phép xây dựng số 82/GPXD cho bà Nguyễn Thị C1 được phép xây dựng xây còi tường gạch, vách riêng, làm mới sàn gác gỗ, lợp mới mái tôn tại địa chỉ số G (phía trước) đường M, phường Đ, Quận A với diện tích xây còi nới là 6,95m x 4,25m = 29,54m. Căn nhà hiện nay thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim H6 (nhận thừa kế của bà Nguyễn Thị C1) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH2420 ngày 10/10/2011 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp với diện tích đất 37,2m, diện tích xây dựng: 29,5m, diện tích sàn: 87,7m²; nhà 02 tầng + lửng.

Ngày 06/11/2006, Ủy ban nhân dân Quận A cấp giấy phép xây dựng số 564/GPXD cho ông Ứng Văn T được phép xây dựng nhà ở kiên cố tại địa chỉ số G đường M, phường Đ, Quận A với cấu trúc: trệt + lửng + 02 lầu, mái che thang, diện tích xây dựng trệt: 60,91m², tổng diện tích sàn: 271,65m².

Nhận thấy các loại giấy tờ mà Ủy ban nhân dân Quận A và đương sự cung cấp cho Tòa án là các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2014, để được xem xét cấp chủ quyền, nên có cơ sở xác định căn nhà thuộc sở hữu hợp pháp của ông T và bà B, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định diện tích còn lại của căn nhà và đất số G M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đo đạc Bản đồ Thành phố H xác lập ngày 15/02/2023, chính là di sản thừa kế của ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B chết để lại cho các con, do Ủy Ban Nhân Dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết “Nhà thuộc diện được công nhận chủ quyền sở hữu của cá nhân, được xem xét để được cấp chủ quyền”.

Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các Điều 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự 2015 về chia thừa kế đối với di sản trên.

[2.2] Về các hàng thừa kế của Ông T và bà B và phân tích chia thừa kế

Lúc sinh thời ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B có 5 người con chung gồm: 1) Ứng Văn H1, 2) Ứng Văn L, 3) Ứng Thúy Phượng, 4) Ứng Thanh H, 5) Ứng Thanh H2.

Năm 2004, Bà B chết, không có di chúc. Theo quy định tại Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mở thừa kế lần 1: Các thừa kế của bà B gồm 05 người con gồm ông: 1) Ứng Văn H1, 2) Ứng Văn L, 3) Ứng Thúy Phượng, 4) Ứng Thanh H, 5) Ứng Thanh H2.

½ căn nhà nói trên của bà B được chia cho 5 người con, như vậy mỗi người được 1/10 căn nhà (1).

Năm 2010, ông T chết, khi chết không có di chúc.

Ông T có 7 người con gồm: các con bà B và 2 người con với người vợ trước, là bà Ứng Thị Y; ông Ứng Văn H5 (chết năm 2005, trước ông T (chết năm 2010), ông H5 có 02 người con là ông Ứng Hồ Ngọc H3 và bà Ứng Hồ Thu H4, là thừa kế thế vị của ông H5 theo quy định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005.

$\frac{1}{2}$ căn nhà của ông T được chia cho 7 người con nêu trên. Cụ thể mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$: $7 = 1/14$ căn nhà (2).

Như vậy các người con ông T và Bà B được gồm: 1) Ứng Văn H1 2) Ứng Văn L, 3) Ứng Thúy Phượng, 4) Ứng Thanh H; 5) Ứng Thanh H2 được hưởng số kỷ phần của mẹ và cha mình là : $1/10 + 1/14 = 6/35$ giá trị nhà.

Các con riêng của ông T gồm bà Ứng Thị Y và ông Ứng Văn H5 (đã chết), có các con ông H5 là bà Ứng Hồ Ngọc H3 và Ứng Hồ Thu H4 là thừa kế thế vị của ông H5 mỗi chi thừa kế được hưởng $1/14$ giá trị căn nhà.

[2.3] Về phân chia hiện vật và nhận hiện kim:

Căn cứ Điều 218 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định về “quyền định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung, các bên tiến hành phân chia thừa kế theo tỷ lệ đã chia như trên và các đương sự được quyền tự định đoạt tài sản của mình”. Căn nhà nêu trên bị phân chia ra thành nhiều phần, tổng diện tích để tách thửa nhỏ, nên không khả thi khi chia hiện vật cho các thừa kế. Ông L không có yêu cầu chia hiện vật. Các thừa kế khác đồng ý giao nhà cho ông H để nhận hiện kim theo nguyên tắc tự thỏa thuận riêng.

Do ông Ứng Văn L không đến Tòa để yêu cầu chia di sản và cũng không chịu phân chia căn nhà nói trên cho các thừa kế khác làm ảnh hưởng quyền lợi của những thừa kế khác, nên cần thiết buộc ông L và các vợ con ông phải nhận phần di sản là hiện kim được chia từ căn nhà.

Các thừa kế khác đồng ý để ông H được đứng ra nhận di sản là nhà và giao các thừa kế khác nhận tiền, nên hội đồng xét xử cho phép ông H được ưu tiên nhận kỷ phần thừa kế là nhà, và giao các kỷ phần thừa kế theo phần cho các thừa kế khác theo kỷ phần của họ.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, nếu bên phải thi hành là ông H phải giao tiền cho bị đơn ông L kỷ phần của ông L được hưởng và thỏa thuận giao các kỷ phần còn lại cho các thừa kế khác, thì ông L và các thừa kế khác, được quyền liên hệ cơ quan chức năng để xin thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở cho mình. Giá phân chia được các bên xác định tại thời điểm thi hành án. Nếu ông H không giao tiền cho các thừa kế khác, thì nhà được phát mãi tài sản để phân chia tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng 32.324.683 đồng, gồm: Chi phí đo vẽ: 7.324.683 đồng; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng; Chi phí thẩm định giá tài sản: 22.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được hưởng di sản phải chịu các khoản chi phí tố tụng theo tỷ lệ giá trị phần tài sản

mà họ được chia, nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên phải hoàn trả cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia, theo quy định tại Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo Chứng thư thẩm định giá trị nhà và đất của căn nhà số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tính tròn là 8.301.000.000 đồng, được nguyên đơn đồng thuận giá này để tính án phí, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giá nhà là 8.301.000.000 đồng, năm kỷ phần đầu tiên đạt giá trị tính án phí là 1.423.028.570 đồng. Hai kỷ phần còn lại đạt giá trị 1/14 căn nhà tính thành tiền là 592.928.571 đồng.

Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 326/NQ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, các bên phải chịu án phí trên tỷ lệ phần thừa kế được hưởng dựa trên giá thẩm định. Đây chỉ là giá để tính án phí. Nếu giá thay đổi, các bên có quyền yêu cầu cơ quan chuyên môn định lại theo giá mới tại thời điểm thi hành án để chia.

Cụ thể mỗi người được hưởng 01 kỷ phần của mình phải chịu án phí như sau: Ông Ứng Văn L, bà Ứng Thúy P, ông Ứng Thanh H, ông Ứng Thanh H2 mỗi người chịu 54.690.857 (Năm mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng), ông Ứng Hồ Ngọc H3 và bà Ứng Hồ Thu H4 liên đới chịu 27.717.140 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi) đồng.

Bà Ứng Thị Y và ông Ứng Văn H1 là người cao tuổi, có đơn xin được miễn giảm án phí, được Hội đồng xét xử xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bà Y, ông H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 134, 138, Điều 219, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Khoản 2 Điều 660, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 48, Điều 12, Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1. Về di sản thừa kế: Xác định căn nhà và đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố H đo vẽ với diện tích đất theo hiện trạng là 73,4 m², và tổng quan xây dựng theo hiện trạng xây dựng theo bản vẽ này, chính là di sản thừa kế của ông Ứng Văn T và bà Nguyễn Thị B chết để lại.

1.2. Xác định hàng thừa kế và những người hưởng thừa kế của ông Ưng Văn T và bà Nguyễn Thị B gồm: Ưng Văn H1, Ưng Văn L, Ưng Thúy P, Ưng Thanh H, Ưng Thanh H2.

Hàng thừa kế riêng của ông Ưng Văn T có 2 người chính là bà Ưng Thị Y và người thừa kế thế vị của Ưng Văn H5 là Ưng Hồ Ngọc H3 và Ưng Hồ Thu H4.

1.3. Phân chia di sản thừa kế cho Ưng Văn H1; Ưng Văn L, Ưng Thúy P, Ưng Thanh H, Ưng Thanh H2, mỗi người được hưởng 6/35 giá trị căn nhà và đất số G đường M, phường Đ, Quận A, TP Hồ Chí Minh. Cụ thể, mỗi người được hưởng 1.423.028.570 (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi) đồng.

Bà Ưng Thị Y được hưởng 1/14 nhà số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ưng Thị Y nhận số tiền là 592.928.571 đồng (Năm trăm chín mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng.

Ông Ưng Hồ Ngọc H3 và bà Ưng Hồ Thu H4 được hưởng 1/14 giá trị căn nhà và đất số G M, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ưng Hồ Ngọc H3 và bà Ưng Hồ Thu H4 cùng nhận số tiền là 592.928.571 đồng. (Năm trăm chín mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng.

Ông Ưng Thanh H được ưu tiên nhận nhà và giao lại tiền theo giá nhà, đất tại thời điểm thi hành án cho ông Ưng Văn L số tiền là 1.423.028.570 (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi) đồng.

Các thừa kế còn lại ưng thuận giao ông H nhận nhà và giao tiền sau. Các bên tự thỏa thuận thời hạn giao nhận tiền với nhau.

Sau khi giao tiền cho ông Ưng Văn L, ông Ưng Thanh H được quyền liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đo đạc Bản đồ Thành phố H xác lập ngày 15/02/2023, đứng tên quyền sở hữu nhà cho mình .

Việc giao nhận tiền với các thừa kế còn lại theo sự thỏa thuận riêng của các bên.

Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Ưng Thanh H không thanh toán kỹ phần thừa kế bằng hiện kim cho ông Ưng Văn L theo bản án đã chia, (giá nhà và đất được định tại thời điểm thi hành án), thì trong thời hạn 03 (ba) tháng liền sau đó, thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nói trên, để thanh toán theo trị giá tài sản mà mỗi người được hưởng tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ưng Thị Y và ông Ưng Văn H1.

2.2. Ông Ưng Văn L, bà Ưng Thúy P, ông Ưng Thanh H, ông Ưng Thanh H2 mỗi người chịu 54.690.857 (Năm mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn,

tám trăm năm mươi bảy đồng), ông Ứng Hồ Ngọc H3 và bà Ứng Hồ Thu H4 liên đới chịu 27.717.140 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi) đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: ông Ứng Văn H1, Ứng Văn L, Ứng Thúy P, Ứng Thanh H2 mỗi người phải hoàn lại cho ông Ứng Thanh H số tiền 5.541.374 đồng (Năm triệu, năm bốn mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng). Bà Ứng Thị Y chịu số tiền 2.308.905 đồng (Hai triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng). Ông Ứng Hồ Ngọc H3 và bà Ứng Hồ Thu H4 cùng liên đới hoàn lại cho ông Ứng Thanh H số tiền 2.308.905 đồng (Hai triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án đối với các đương sự có mặt tại phiên tòa. Đối với những đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hoa